

Những kỷ niệm đáng nhớ dưới mái trường An-be Sa-rô

Nguyễn Minh Vũ

Học sinh chuyên khoa, khóa 1951 – 54

Năm học 1950 – 51, buổi sáng tôi theo học lớp Đệ Ngũ trường Nguyễn Trãi, buổi chiều xin học thêm lớp Đệ Tứ ở trường tư thục của thầy Bùi Hữu Đột ở phố Hàng Bè; cuối năm nộp đơn thi tốt nghiệp Trung học đệ nhất cấp với tư cách thí sinh tự do, không ngờ lại đỗ với thứ hạng cao. Luật giáo dục thời ấy cấm thi nhảy, nếu muốn được tiếp tục học ở trường Nguyễn Trãi, tôi buộc phải học lại lớp Đệ Tứ, không được lên học lớp Đệ Tam chuyên khoa. Tiếc công, tôi tính chuyển chuyên sang học ở trường An-be Sa-rô; muốn vậy phải bỏ túc thêm tiếng Pháp. Suốt 3 tháng hè năm 1951, tôi xin theo học lớp bồi dưỡng tiếng Pháp cấp tốc tại nhà giáo sư Lê Công Đắc, ở phố Ngõ Trạm. Giáo sư Đắc là một trong những người soạn từ điển Pháp-Việt, Việt-Pháp đầu tiên ở Việt Nam; cách dạy của giáo sư cũng khác người. Lớp học chỉ có 5 học viên, chủ yếu học để nâng cao trình độ; mỗi tuần học 6 buổi chiều, từ 2 giờ đến 6 giờ. Mỗi buổi học, giáo sư ra bài về nhà cho chúng tôi như sau: 1 bài dịch xuôi (traduction), 1 bài dịch ngược (thème), 1 bài luận tiếng Pháp (rédaction) giới hạn trong 60 dòng, học thuộc lòng cách chia 10 động từ bất quy tắc ở đủ các thì (temps) của đủ 6 thức (mode). Đến lớp, thầy chấm bài của từng người, vừa chấm vừa giải thích những lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp ở từng bài cho tất cả cùng nghe; rồi thầy chỉ định từng người đọc lại một đoạn văn trong bài luận của mình hoặc chia 1 động từ ở 1 thì của 1 thức nào đó do thầy bảo; phải chia đúng và đọc chuẩn, nếu không, sẽ bị mắng thậm tệ đến xấu hổ. Theo lời thầy, nếu có thuộc bài luận thì bài đó mới thực do anh viết, nếu không thuộc có nghĩa là anh đã nhờ viết. Mấy ngày đầu, tôi học rất vất vả do chưa quen; về sau, thấy có tiến bộ rõ nên ham, học rất say sưa, thú vị. Kết quả là tôi thi concours đỗ, được nhận vào học lớp Seconde, lớp đầu của hệ trung học đệ nhị cấp trường An-be Sa-rô từ tháng 9-1951.

Lúc ấy, sau khi thi nhảy đỗ, lại thi được vào trường An-be Sa-rô, tôi được gia đình thưởng cho một chiếc xe đạp đua, nhãn hiệu Antonin Magne (tên một cua-ro Pháp vừa đoạt giải ở cuộc đua xe đạp vòng quanh nước Pháp), do hãng Sterling sản xuất, khung xe được cấu tạo bởi 5 ống thép mỏng lồng vào nhau nên vừa cứng, vừa nhẹ, chỉ nặng khoảng 12 kg, có thể cầm một tay giơ lên cao. Hàng ngày tôi đi học bằng xe này, phóng như bay trên đường. Nhiều hôm mưa, tôi chỉ mặc quần đùi, áo may-ô, ngoài mặc áo mưa, quần áo ngoài cho vào cặp rồi phóng xe đi. Đến trường, vào phòng tắm, tắm rửa sạch sẽ, rồi mới mặc quần áo cẩn thận, thoải mái lên lớp học. Thỉnh thoảng có tiết trống do giáo sư ốm hay bận, tôi cùng các bạn lấy xe đạp lên đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên), ngồi nghỉ chơi bên bờ Hồ Tây, hưởng không khí trong lành, mát mẻ, tán phét với nhau. Nhiều lần tôi một mình phóng xe lên “Rừng ổi” ở ven Hồ Tây thuộc xã Nghi Tâm; gọi như vậy vì có rất nhiều cây

ôi, tán lá chen nhau. Tôi thường dựng xe vào gốc cây, trèo lên một chạc ôi, nằm ngắm bầu trời, hưởng làn gió mát mơn man. Vào mùa ôi chín, chọn quả vừa ý, gọt tay hái, ăn thoải mái, chẳng ai cấm. Miệng nhai ôi, mũi hít thở mùi hương thơm của trái chín, tai nghe tiếng chim hót líu lo, hỏi còn gì thú vị cho bằng.

Hai năm đầu, tôi chơi thân với anh Đặng Vũ Hoàng, anh Nguyễn Hải Tấn, anh Nguyễn Thụy Phương (con ông giám đốc Sở Bưu Điện HN), ngồi cùng bàn với anh Tấn; các anh đều chăm học và học giỏi, nhưng chúng tôi vẫn thua cô bạn lớp trưởng (major) là Phạm thị Bội Hoàn. Chúng tôi thường đến chơi nhà nhau, cùng nhau giải các bài tập sưu tầm được, trao đổi về các sách đã đọc, các phim đã xem. Thời ấy đã làm gì tivi, có máy tính để chơi game hay chat với nhau như bây giờ. Có lần tôi rủ anh Hoàng về thăm quê, nhờ bà chị thổi xôi xéo, giã muối vừng, thết anh bạn một bữa ăn lạ miệng, khiến anh còn nhớ mãi. Trong lớp có 2 bạn nữ con nhà giàu, suốt 3 năm học đều có ô tô Peugeot 203 đưa đón là bạn Phạm Thị Bội Hoàn và bạn Hoàng Thị Chung. Bạn Chung học các môn không đều như bạn Hoàn, bạn chỉ giỏi các môn xã hội, đặc biệt bạn nói tiếng Pháp rất hay. Bạn Chung hiện tình ra sao không rõ, còn bạn Bội Hoàn định cư ở Californie, lấy chồng là bác sĩ Tôn Thất Cần, cũng là một cựu học sinh An-be Sa-rô. Năm đầu tiên, thầy dạy Văn học Pháp là thầy Alcaraz, một thầy giáo trẻ mới tốt nghiệp, trước khi sang Việt Nam, đã từng dạy 1 năm ở châu Phi. Bạn Chung ngồi ở bàn đầu, thầy Alcaraz hay đứng ngay trước bàn này giảng bài, mắt nhìn bạn Chung. Bạn Hải Tấn rất hóm, lập tức làm ngay một bài thơ gán cho thầy là mê bạn Chung, tôi may mắn còn nhớ được đôi câu:

...

*Từ Phi châu ta lặn lội quan san,
Sang Đất Việt tìm yêu cho cuộc sống.
Ta đã thấy từ đây hồn chiếm đóng
Bởi ân tình; ta quyết chẳng rời xa
Đất Đông dương, đất thắm của muôn hoa
Đất sinh trưởng của ngời em yêu dấu.*

...

*Thị Chung hỡi! Bao giờ đời mới thắm,
Biết bao giờ mới hết những đêm sương,
Để muôn năm khỏi tủi ánh trăng buồn
Soi lạnh lẽo trên giường ta cô độc...*

Học cùng lớp với tôi trong suốt 3 năm còn có các anh Nguyễn Ngọc Hàm, Nguyễn Cao Nguyên, Nguyễn Quang Trác và nhiều bạn khác; đến năm cuối cấp có thêm các anh Phan Đức Chính, Nguyễn Đức Thanh, Nguyễn Văn Thành, con trai cả thầy Sinh dạy tôi hồi tiểu học ở trường phủ Hoài Đức. Năm 1954, anh Nguyên, anh Trác, anh Thành đi Pháp, rồi lập gia đình sinh sống ở Pháp, các anh đều thành đạt cả. Sau 1975, anh Thành về nước thăm gia đình nhiều lần, đôi lần mời tôi đi ăn cùng một số bạn cùng học An-be Sa-rô trước đây

như chị Phạm Thị Thuộc, Phạm Thị Thi, Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Bảo Châu, Hoàng Thúc Thuỳ; anh Trác cũng hay về và cũng thường rủ một số bạn học cũ đi ăn, các bạn anh đều đỗ Bacc. sau anh 1 năm do anh học giỏi, nhảy được 1 lớp. Còn anh Nguyễn, trước khi đi Pháp, đã vẽ, thuê khắc, in, tặng mỗi bạn cùng lớp một cuốn chân dung châm phá (caricature) một số thầy giáo làm kỷ niệm, như thầy giám học (censeur) Mallein, thầy tổng giám thị Scrépel bụng phệ, thầy dạy Toán Pouvaty người da màu có cách diễn đạt sáng sủa mà kiệm lời, thầy dạy Địa lý Azambre người xứ Provence với đôi mắt kính cận dày cộp, phát âm rất khó nghe, thầy dạy Triết Martin to béo, đầu múp, say giảng quên cả người nghe, thầy dạy Toán Nguyễn Ngọc Ngoạn... Đáng tiếc là từ bấy đến nay tôi không nhận được tin tức gì của anh.

Đến năm cuối cấp, bạn Hải Tấn, bạn Chung đăng ký học Triết (Philo.), bạn Bội Hoàn học Khoa học thực nghiệm (Sciences expérimentales), chỉ còn bạn Hoàng học Toán sơ cấp (Math. Elem.) cùng tôi. Mới hết học kỳ 1, có công văn gửi đến trường thông báo tuyển nam sinh các lớp cuối cấp (Classes Terminales) đi học các trường võ bị của Pháp là trường Saint Cyr đào tạo sĩ quan lục quân, trường Brest đào tạo sĩ quan thủy quân, trường Chalon-sur-Marne đào tạo sĩ quan không quân. Thông thường phải thi đỗ Bacc.2 mới được dự tuyển. Hầu như không ai hưởng ứng. Tháng 5 – 1954, chúng tôi thi Bacc. 2 trong không khí ngột ngạt của chiến tranh, của cuộc hòa đàm Genève, thi xong thì hoang mang trước cuộc di tản, kẻ ở người đi. Lớp Math. Elem. 25 người thì chỉ còn 4 người ở lại miền Bắc là anh Hàm, anh Chính, anh Thanh và tôi. Anh Hàm sau học Y, làm giám đốc Bệnh viện Uông Bí, có nhiều thành tích, được phong là Anh hùng Lao động; anh Chính là cán bộ giảng dạy Toán có uy tín ở trường Đại học Tổng hợp, chuyên ngành Giải tích, tham gia biên soạn sách giáo khoa, đã từng có lần dẫn học sinh đi thi Toán quốc tế, anh Thanh cũng học Y, lúc đầu công tác ở BV Kiến An, sau chuyển về BV Việt Tiệp (Hải Phòng). Thời ấy, theo luật giáo dục, phải thi Tú tài 2 lần; cuối năm chuyên khoa thứ 2 tức classe Première thi tú tài phần thứ nhất (Bacc. 1ère partie), cuối năm chuyên khoa thứ 3 tức classe Terminale thi tú tài phần thứ hai (Bacc. 2ème partie), mỗi kỳ thi đều có 2 vòng, vòng 1 thi viết đủ 9 môn văn hoá; đỗ vòng 1 mới được vào vòng 2 thi vấn đáp cũng đủ 9 môn. Tuy nhiên lại có 2 kỳ thi, kỳ thứ 1 vào tháng 6; ai trượt kỳ 1 được dự kỳ thi thứ 2 vào tháng 9, trước khi khai giảng năm học mới. Cái làm nhiều học sinh sợ nhất là môn thi Văn học Pháp ở kỳ thi Bacc. 1ère, phải làm một bài luận bình giảng văn học hay triết học (dissertation littéraire ou philosophique). Viết bình giảng đã khó mà điểm lại phải đạt từ 6/20 trở lên, ai chỉ đạt điểm dưới 6/20 thì bị loại ngay, không cần chấm các môn khác. Điểm 6/20 được gọi là điểm loại (note éliminatoire). Điểm các môn thi có hệ số khác nhau; với lớp Math. Elem. Toán có hệ số cao nhất là 6, Vật lý là 4, Hoá là 3, Văn học Pháp là 2, còn các môn khác là 1. Học sinh lớp Math. Elem. chúng tôi bảo nhau chỉ cần học tốt 3 môn Toán, Lý, Hoá; đi thi mỗi môn này nếu đạt 15 điểm trở lên thì các môn khác chỉ cần 1, thậm chí 0,5 điểm cũng đỗ.

Nhớ lại thời kỳ ấy, chúng tôi học rất thoải mái tuy phải thi nhiều môn và chương trình các môn so với bây giờ còn nặng hơn, ví dụ ở lớp Math. Elem. chúng tôi còn học thêm môn

Thiên Văn và Triết. Và cũng rất nghịch ngợm. Giờ ra chơi 15 phút, thầy tổng giám thị Scrépel thường ra đứng giữa sân, miệng ngâm tâu, nhả khói mù mịt, mắt liếc ngang liếc dọc, theo dõi tình hình kỷ luật. Nội quy nhà trường lại cấm hút thuốc trong trường. Một hôm, tôi thấy mấy anh lớp cuối cấp lại gần thầy, một anh tay rút điếu thuốc lá, miệng lễ phép hỏi xin thầy tí lửa. Thầy trợn mắt, rút tẩu khỏi miệng, định cất tiếng mắng, song lại thôi, chỉ lặng lẽ tắt tẩu thuốc rồi quay lưng đi vào trong nhà. Mấy anh cất lời xin lỗi rồi rút lui; khuất bóng thầy rồi, mới thích chí cười như nắc nẻ. Năm lớp Seconde thầy Magalon dạy tôi Lý Hóa. Thầy thấp người, mùa hè thường mặc quần short, áo sơ mi cộc tay, chân đi dép xăng-đan với tất dài đến đầu gối. Thầy rất tinh nhanh, hóm hỉnh, mắt sáng mà hiền từ. Còn nhớ trong một tiết học về sự chuyển hóa giữa công cơ học và nhiệt, thầy hỏi xem có ai nêu được một ví dụ về sự chuyển hóa công cơ học thành nhiệt. Tôi nhấp nhồm giơ tay ngay và nói “khi em chạy nhanh thì người em nóng lên”, câu tiếng Pháp là “Quand je cours vite, je suis en chaleur”, khiến thầy bật cười và trêu tôi mãi. Chắc các bạn cũng biết, “en chaleur” còn có nghĩa là “nóng máy” là “động dục”! Giờ Hóa, thầy làm thí nghiệm biểu diễn cách điều chế khí hydro sunfua H_2S , rồi cầm ống nghiệm chứa khí đang bốc khói, đi từng bàn, dí ống nghiệm vào mũi từng đứa chúng tôi, bắt phải ngửi, “để nhận biết mùi trứng thối đặc trưng của khí này”. Cô Dencuff dạy môn Sử, một cô giáo trẻ rất xinh đẹp mới ở Pháp sang, với mái tóc phi – dê màu hạt dẻ, có lọn tóc bất kham thường rủ xuống trán. Mỗi tuần lễ chỉ có 1 giờ Sử, song chúng tôi đứa nào cũng mong, vì được gặp cô, được ngắm cô. Trong giờ Sử, chúng tôi có nghe cô giảng đâu, chúng tôi chỉ ngồi ngắm cô, nghe giọng cô nói, nhìn dáng cô đi đi lại lại. Có lẽ cô cũng biết là lũ học trò nó “mê” mình, và có lẽ cô cũng thích, nên cô giảng càng say sưa, thỉnh thoảng lại khẽ đưa tay hất nhẹ một lọn tóc vàng quái ác cứ xoã xuống trán. Thầy Vũ Tam Thám dạy Việt văn, song có mấy khi thầy giảng bài; vào lớp thầy kể chuyện là chính, đủ mọi thứ chuyện. Một tiết học 45 phút, may lắm được 10 phút giảng bài; chẳng bao giờ thầy ra bài kiểm tra, cuối tháng, để có điểm nộp phòng giáo vụ, thầy vào lớp, gọi học sinh đứng lên để thầy nhìn mặt, rồi cho điểm, toàn điểm từ 10/20 trở lên, không bao giờ có điểm dưới trung bình. Như vậy là cả thầy lẫn trò đều hài lòng, thầy không phải chấm bài vất vả, trò không phải học bài, làm bài mà vẫn có điểm trên trung bình, bởi Việt văn là môn không thi, học trò có quan tâm đến nó đâu. Trái với thầy Thám hể vào lớp là thao thao bất tuyệt, thầy Nam Sơn dạy môn Vẽ là người rất ít nói, có lẽ cũng rất ít giao thiệp. Đầu hói, tóc lơ thơ, cặp kính đeo trễ trên sống mũi, thầy lặng lẽ đi lại trong lớp, lặng lẽ lại gần đưa bàn tay cầm bút chì chỉ cho học sinh cách vẽ, cách đánh bóng. Ít ai biết rằng thầy vốn là một trong 2 người sáng lập trường Mỹ Thuật Đông Dương (người thứ 2 là họa sĩ Victor Tardieu, hiệu trưởng đầu tiên của trường), tiền thân của trường ĐH Mỹ Thuật Hà Nội hiện nay. Thầy Martin dạy Triết, một môn học bắt buộc phải thi, cả viết lẫn vấn đáp, nhiều học sinh sợ, gọi là môn “chết”. Thầy rất say môn mình dạy, ai nói một câu trúng ý thầy là thầy thao thao nói tiếp, không để cho nói nữa. Biết “bệnh” của thầy, vào vấn đáp, bóc thăm, đọc đề xong, bọn tôi cố nhớ ý thích của thầy liên quan đến chủ đề ấy, nói lên ý ấy; xong chỉ việc ngồi nghe thầy nói hộ tiếp, thỉnh thoảng gật gù tán thưởng là đủ. Nói xong, thầy sẽ phán:” Bon! Vous avez compris. Allez! “ (Được! Anh đã hiểu. Ra đi!). Thế là thoát. Và chắc chắn được điểm

tốt. Vô phúc cho anh nào vô ý nói trái ý thầy, sẽ bị hỏi đi hỏi lại, rồi cuối cùng sẽ bị điểm kém. Thầy Léon Pouvatchy dạy tôi môn Toán 2 năm cuối, tôi rất quý thầy vì phong cách giảng dạy hay, lời giảng ngắn gọn mà dễ hiểu. Thầy còn dạy chúng tôi môn Thiên Văn, nhờ đó tôi biết được cấu tạo của Vũ trụ, của Thiên hà, của Hệ Mặt Trời, biết nguyên tắc vẽ bản đồ, nguyên tắc làm lịch... Năm học lớp Première, hiệu trưởng mới là thầy Louis Since, một thầy giáo uyên bác, đã từng viết sách giáo khoa vật lý, trong đó có cuốn Bài tập Vật lý dùng cho lớp Toán sơ cấp, một cuốn sách viết rất hay, sau này khi đi làm chuyên gia giáo dục ở Angiêri, tôi vẫn mang theo sử dụng. Có một chuyện xảy ra khiến tôi vô cùng cảm động. Hai năm đầu tôi học Địa lý với thầy Azambre, người xứ Provence, năm cuối cấp mới học thầy Maurice Stègre. Địa lý là môn học bọn Math. Élem. chúng tôi vốn chẳng quan tâm. Đột nhiên vào khoảng năm 1990, tôi nhận được một bưu phẩm của thầy Stègre gửi cho, trong chứa cuốn Palmarès của năm học 1953 – 54 kèm tám danh thiếp của thầy mang mấy dòng thư. Thầy bảo đọc trên tập san, thấy tên tôi học vào các năm 1951 – 54, nghĩ rằng có thể tôi đã học thầy, nên thầy hỏi thăm và gửi tặng cuốn Palmarès. Tình cảm thầy dành cho trò cũ thật đậm đà, đáng quý biết bao! Tôi vẫn giữ tám danh thiếp này, coi như một kỷ niệm quý.

Tuy nhiên ấn tượng nhất với tôi là các giờ học Lý Hóa. Như đã nói, 2 phòng học bộ môn Lý, Hóa có cửa thông với 2 phòng thí nghiệm nằm kề bên. Cứ đến giờ Lý, Hóa là chúng tôi chuyển đến học ở các phòng này; trên bàn thầy giáo đã đặt sẵn các dụng cụ thí nghiệm phục vụ cho bài giảng, thầy đứng bên bàn trong chiếc áo blouse màu trắng, nét mặt tươi cười. Theo quy định, đến giờ Lý Hóa Sinh, các thầy lên lớp đều phải mặc blouse trắng. Bài giảng của thầy được minh họa bởi các thí nghiệm, cả lớp ai cũng quan sát được. Học Hóa, thầy lưu ý chúng tôi quan sát màu sắc, mùi vị đặc trưng của từng chất, ví như màu đỏ của đồng (Cu) tụ quanh chiếc đinh sắt, màu xanh lơ của tinh thể cũng như của dung dịch đồng sun-phat, màu trắng của kết tủa ba-ri sun-phat, màu tím của giấy quỳ chuyển thành màu đỏ hồng khi gặp a-xit, chuyển thành màu xanh khi gặp ba-dơ... Học về khí am-mô-ni-ắc, điều chế xong, thầy cầm ống nghiệm có khí đang bay ra, đi đến từng bàn, bắt từng học sinh ghé mũi ngửi, “đề nhớ mãi mùi đặc trưng của nó, chính vì mùi này mà nó được gọi là nước đái quỷ”, thầy bảo thế. Người đang bị ngất, được ngửi khí này, sẽ hắt hơi, tỉnh lại liền. Học Quang học, phòng học được các tấm rèm đen che kín hết các cửa, tối mò. Đột nhiên có tiếng sè sè, rồi một chùm 3 tia sáng màu song song xuất hiện trên màn trắng. Bàn tay thầy cầm một thấu kính thủy tinh chặn chùm tia sáng, lập tức chùm tia sáng song song biến thành chùm tia sáng hội tụ hay chùm tia sáng phân kỳ... Còn nhiều, nhiều thí nghiệm khác nữa, không sao kể hết. Không phải chúng tôi chỉ được xem các thí nghiệm chứng minh do giáo sư tiến hành, mà chúng tôi còn được tự tay lắp ráp các dụng cụ, tự tiến hành các thí nghiệm, tự đo đạc, ghi kết quả để làm báo cáo nghiệm lại các định luật. Có những buổi chúng tôi mài mê lắp ráp các loại mạch điện với các am-pe kế, von-kế, các biến trở, tiến hành đo đạc, ghi chép...; lại có những buổi khác chúng tôi mài mê pha các dung dịch hóa học, cho chúng tác dụng với nhau để quan sát chúng đổi màu hay kết tủa, rút ra tính chất của các chất hoặc cách điều chế chúng... Mỗi nhóm 3, 4 người, thay phiên nhau lắp ráp, tiến hành thí nghiệm, hoặc

pha chế hóa chất, quên cả thời gian, chuông báo hết giờ vẫn còn thòm thèm. Giáo sư luôn có mặt đúng lúc, hướng dẫn, giúp đỡ từng nhóm, miệng luôn tươi cười, có lúc lại nói đôi câu pha trò, khiến không khí lớp học luôn thoải mái. Từ nhỏ đi học, chưa bao giờ tôi được xem biểu diễn nhiều thí nghiệm, nhất là được tự tay làm các thí nghiệm như thế này.

Năm học cuối cùng ở lớp Toán sơ cấp, với 3 môn Toán Lý Hóa, tôi đã mua cho mỗi môn 3 bộ sách giáo khoa do 3 nhóm tác giả khác nhau biên soạn, về đọc trước. Như vậy, khi lên lớp, tôi đã nắm sơ qua bài học, nên chủ động nghe lời thầy giảng, đối chiếu với tài liệu đã đọc xem chỗ nào đã hiểu đúng, chỗ nào hiểu chưa đúng, chỗ nào thầy phát triển thêm, chỗ nào đã đọc rồi và đã nghe thầy giảng mà vẫn chưa hiểu rõ thì chủ động giơ tay xin thầy giảng thêm... Tôi còn tìm mua các cuốn “Đề thi Bacc.” do nhà xuất bản Vuibert in hàng năm, trong đó có toàn bộ các đề thi Toán, Lý, Hoá đã được ra thi ở các nước trong toàn khối Liên hiệp Pháp, đem về tập làm cho quen. Tôi nhận thấy rằng mỗi môn chỉ có khoảng vài chục đề lý thuyết khác nhau, được lặp đi lặp lại. Mặt khác, mỗi tác giả viết sách giáo khoa đều có sở trường cũng như sở đoản; mỗi vị chỉ viết hay ở một số chủ đề. Tôi tham khảo cả 3 bộ sách, làm trước dàn ý chi tiết cho mỗi đề lý thuyết kèm các hình vẽ cần thiết, chép vào 3 cuốn sổ, mỗi cuốn cho 1 môn; khi sắp đi thi, tôi chỉ việc xem lại các cuốn sổ đó là đủ làm được bài. Tôi cũng chủ động phân loại các bài toán, tập giải các bài đã được ra trong các đề thi. Học như vậy từ đầu năm học, thế mà khoảng 3 tháng trước kỳ thi, vẫn phải uống cà phê đặc, uống thuốc kích thích Maxiton để chống ngủ. Các cuốn sổ làm đề lý thuyết cũng như giải các bài toán, tôi vẫn giữ được cho đến tận năm 1992 khi về hưu, chuyên nhà từ Hải Phòng về Hà Nội mới bị thất lạc.

Năm học lớp Seconde, bạn tôi là anh Nguyễn Nhiếp tham gia Câu lạc bộ Văn học (cercle littéraire) do thầy Alcaraz chủ trì. Nhóm anh được giao đề tài viết về cuốn tiểu thuyết Bà Bovary (Madame Bovary) của Gustave Flaubert, một tác giả có trong chương trình. Các anh mượn sách ở thư viện về đọc, tìm hiểu tác giả, phân tích nhân vật, sự kiện, trao đổi với nhau, cả với tôi mỗi lần tôi đến chơi, rồi chấp bút viết thành văn bản, nộp cho thầy Alcaraz. Thầy đọc rồi góp ý, nhóm anh nghe về sửa lại, thêm bớt; thầy lại đọc, lại góp ý... cho đến lúc được thì thôi. Cuối cùng, bài viết được đánh máy, sao thành dăm bản, gửi cho các nhóm bạn, mỗi nhóm 1 bản để đọc trước, rồi cả CLB họp lại, nghe các nhóm trình bày bài viết của mình, cùng nhau trao đổi, tranh luận dưới sự gợi ý, điều khiển của thầy hướng dẫn. Anh cũng tặng tôi một bản, tôi vẫn còn giữ. Thật thú vị và bổ ích, cách làm như vậy tạo cho học sinh thói quen làm việc độc lập, quen đọc sách, ghi chép. Anh Nguyễn Nhiếp là anh ruột chị Nguyễn Bảo Châu, chỉ học cùng tôi 1 năm lớp Seconde, rồi được gia đình cho sang Pháp du học. Anh chơi với tôi khá thân, khi ở Pháp vẫn thường biên thư về cho tôi, cứ hẹn tôi là “sẽ gặp lại nhau ở chân tháp Eiffel”, đến 1954, khi giải phóng thủ đô thì thư từ gián đoạn. Chị Bảo Châu học sau tôi 2 lớp, sau lấy anh Nguyễn Văn Tân, cũng học An-be Sa-rô trên tôi 1 lớp. Năm 1982, đi làm chuyên gia giáo dục ở Angiêri, trên đường về nước nghỉ hè, ghé qua

Paris, tôi muốn thực hiện lời hẹn xa xưa là “gặp nhau ở chân tháp Eiffel”, cố tìm cách gọi điện cho anh Nhiếp, nhưng không được.

Năm học lớp Première, tôi được bạn giới thiệu đến gia đình cụ Mai Phương ở phố Hàng Bún làm gia sư, kèm cho 2 con cụ học thêm Toán, Lý, Hoá. Cụ Mai Phương là giáo viên dạy Sử, lúc ấy là hiệu trưởng trường Chu Văn An; sau tiếp quản thủ đô năm 1954, cụ được giữ lại làm hiệu trưởng thêm một, hai năm. Cụ cư xử rất chu đáo, bố trí phòng riêng để dạy, có đủ bảng đen, phấn trắng; trên bàn bao giờ cũng có sẵn bộ ấm chén, hộp chè và phích nước sôi kèm một ca nước chanh đá để tùy “thầy” sử dụng; cuối tháng, cụ gặp riêng “thầy”, hỏi han về việc học của con, lúc sắp ra về mới kín đáo đưa tiền thù lao để trong chiếc phong bì. Mỗi tuần lễ, vào các chiều thứ 2, thứ 4, thứ 6, từ 16 giờ, tan học ở An-be Sa-rô là tôi phóng xe đến thẳng nhà cụ, dạy học cho đến 18 giờ; thế mà mỗi tháng cụ trả cho tôi 700 đồng tiền Đông dương. Thời ấy, ăn cơm tháng ở Quán ăn Sinh viên phố Hàng Cân chỉ mất 300 đồng/tháng. Đến năm học sau, tôi lại được ông Thu, cán bộ giáo vụ, mời dạy kèm Toán Lý Hóa cho cháu gái ông là Nguyễn thị T.V. nổi tiếng hoa khôi, đang học lớp troisième. Quả thật cô rất xinh đẹp, nói tiếng Pháp rất hay. Rồi tôi vào học ĐHSP, tốt nghiệp, đi dạy học. Khoảng năm 1958, tôi được tin cô lấy chồng; chồng cô là một anh bộ đội “4 túi”, lớn tuổi hơn cô. Những năm Hà Nội mới được giải phóng, có nhiều cuộc hôn nhân như vậy, phần lớn do gia đình muốn có con rể là một cán bộ kháng chiến hay một anh bộ đội, mong được nhờ vả về mặt chính trị; song cũng có trường hợp do tính lãng mạn của cô gái. Khi ấy, tôi vừa thi đỗ Bacc. II, song vẫn trở lại trường cùng các bạn làm báo tường, diễn kịch. Tôi đã dẫn đội múa của nhà trường tham gia buổi tối liên hoan văn nghệ mừng chính phủ về tiếp quản thủ đô tổ chức ở gần chợ Bắc Qua. Đội múa (tôi còn nhớ tên 2 cô là Vân Chung và Yên) đóng góp 2 tiết mục là Múa nón và Múa quạt, rất được tán thưởng. Tết Ất Mùi (1955), hưởng ứng chủ trương của Thành Đoàn Hà Nội, Học sinh đoàn trường An-be Sa-rô tổ chức Đại hội Văn nghệ chào mừng Xuân Hòa Bình, ban kịch diễn vở kịch thơ Lên đường của Hoàng Cầm, anh Kim đóng vai Thái, một thanh niên yêu nước, anh Dũng đóng vai cụ Đồ, bố Thái, tôi đóng vai ông Tú, bạn cụ Đồ, một nhà cách mạng và vận động cô học trò T.V. đóng vai Phương, vợ Thái. Chúng tôi tập ròng rã mấy tuần liền, rất tự tin thuê hẳn rạp Tố Như ở phố Hàng Bạc, diễn 3 buổi cho học sinh toàn trường, mời cả phụ huynh học sinh đến xem. Còn nhớ khi lên Thành Đoàn báo cáo, được cán bộ Thành Đoàn gợi ý là nên tìm diễn vở khác, song chúng tôi không hiểu ý, cứ khăng khăng xin diễn vở Lên đường, không biết rằng lúc ấy đang diễn ra phong trào di cư vào Nam, diễn vở kịch có tên Lên đường là không thích hợp. Cho đến nay tôi vẫn lưu giữ được tờ rơi in nội dung vở kịch cùng bảng phân vai. Năm 1960, đang dạy học ở Hải Phòng, tôi 30 Tết về Hà Nội cùng bạn gái đón giao thừa ở Bồ Hồ rồi rẽ vào hiệu sách Ngoại văn Tràng Tiền, tôi tình cờ gặp cô học trò cũ đang đứng bán sách. Bị bất ngờ tôi sững sờ đứng lặng, còn cô cũng không nói được lời nào, mắt đắm lệ. Bạn tôi thấy vậy, khẽ hỏi “Ai đây, anh?” Tôi không trả lời, vội kéo bạn bỏ đi. Mấy tháng sau, nhân về Hà Nội họp, tôi đến Hiệu sách Ngoại văn Tràng Tiền tìm cô, thì được biết là cô đã chuyển đi

làm nơi khác. Từ bấy đến nay không nhận được tin tức gì về cô, mãi gần đây mới nghe nói là cô đã chuyển vào sống ở thành phố HCM từ lâu.

Tôi vốn thích chơi thể thao từ nhỏ, môn nào cũng tập, và có lẽ cũng có đôi chút năng khiếu; khi còn là sinh viên đã nằm trong đội tuyển bóng rổ và bóng chuyền của trường, thi đấu với các trường bạn. Trường An-be Sa-rô nằm đối diện với CLB Thể dục Thể thao Hà Nội (Cercle Sportif Hanoien, viết tắt là CSH), ở đây có bể bơi, có sân chơi quần vợt, song chỉ dành cho giới thượng lưu. CLB quần vợt dành cho đại chúng là CLB Khúc Hạo. Anh rể tôi là hội viên của CLB này; anh đã dẫn tôi đến tập chơi ở đây, đã sắm cho tôi đủ lệ bộ: vợt, bóng, quần áo, giày, mũ, bí tất... tất cả đều màu trắng. Thời ấy môn quần vợt có quy định hẳn ra sân là phải mang màu trắng từ đầu đến chân, bây giờ chỉ còn giải Grand Slam Wimbledon giữ lại quy định này. Lúc đầu anh tạm hướng dẫn cho tôi chơi, sau phải thuê người hướng dẫn dạy cho có bài bản, từ cách cầm vợt, cách phối hợp tay chân khi đánh bóng... đến cách đánh các quả cơ bản như quả đánh phải (droit), quả đánh trái (revers), quả đập (smash)... Tôi cũng xin đăng ký làm hội viên, đóng hội phí rồi được cấp một ngăn tủ có khóa để chứa vợt, bóng, giày, mũ... mỗi khi chơi xong, còn quần áo bẩn do mồ hôi thì giao cho nhân viên phục vụ giặt, ủi, tiền công nằm trong hội phí. Hàng ngày, tôi dậy sớm từ khoảng 5 giờ sáng, vệ sinh cá nhân xong đạp xe lên CLB chơi quần vợt đến khoảng 7 giờ thì tắm rửa, thay quần áo, đi ăn sáng rồi mới đi học vẫn kịp, thường là ăn bánh sừng bò (bánh croissant) với sữa tươi. Với tiền thù lao đi dạy thêm, tôi không phải xin tiền nhà để tiêu vặt nữa, có thể mua sách, mua bóng chơi quần vợt, đóng hội phí, ăn điếm tâm... thoải mái. Trường An-be Sa-rô, mùa hè cũng như mùa đông, sáng làm việc từ 8 giờ đến 12 giờ, chiều từ 14 giờ đến 16 giờ 30. Sau này, giải phóng thủ đô được dăm tháng, thi đỗ vào học đại học, tôi cùng anh Nguyễn Quang Quyền (em ruột nhà vật lý thiên văn Nguyễn Quang Riệu) sinh viên ngành Y, đã được Bộ Giáo Dục lúc ấy yêu cầu chơi quần vợt với nhau để một nhà báo người Tiệp Khắc quay phim, đưa vào phim thời sự, nhằm nói lên với thế giới là sinh hoạt ở Hà Nội đã trở lại bình thường.

Từ bấy đến nay thấm thoát đã gần 60 năm, từ một thanh niên 18 tuổi tràn trề sức sống, lạc quan yêu đời, trải qua bao thăng trầm của cuộc sống, trở thành một ông già xấp xỉ 80 an nhiên tự tại sống theo lẽ “*tri túc, tri nhàn*”; thế mà nay ngồi nghĩ, nhớ, viết lại những dòng này, tôi vẫn thấy bồi hồi sao suyển lạ. Ấy là vì 3 năm - chỉ 3 năm ngắn ngủi thôi - sống và học tập ở trường An-be Sa-rô đã để lại trong tôi những dấu ấn đậm nét không thể phai mờ. Sau này, vào nghề dạy học, tôi thường được học sinh khen là diễn giảng dễ hiểu và trình bày bảng đẹp, đó chính là nhờ tôi đã được học với thầy Pouvatshy, và thầy Bùi Hữu Đột ở trường Nguyễn Huệ phố Hàng Bè. Xin các thầy hãy nhận ở đây lòng biết ơn chân thành của tôi. Song cái chính là tôi đã hấp thụ được phần nào tinh thần của nền văn hóa Pháp qua các tác phẩm văn học được học trong trường, đã nhiễm được tính nhân văn, tính “hoài nghi khoa học” (le doute scientifique) để đưa vào hành trang của cuộc đời, hòa cùng một số nội dung cơ bản của Nho giáo do gia đình giáo dục từ nhỏ. Ngẫm lại, “*Ai nên khôn mà chẳng dại đời*

lần”, chính chúng đã giúp tôi vượt qua được mọi trắc trở, chiến thắng được mọi khó khăn mà vẫn giữ vững được nhân cách. Bây giờ, mỗi sáng đi CLB Ba Đình ở đầu phố Quán Thánh chơi quần vợt, phóng xe máy qua cổng trường cũ nay có thêm chòi canh – lính gác, tôi không khỏi bồi hồi xúc động:

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.*

Trường vẫn còn đó, không phải chỉ còn nền cũ, song cảnh vật cũng đã thay đổi nhiều, đặc biệt là khu giáo dục thể chất của trường và khu Câu lạc bộ thể thao Hà Nội (CSH). Khu giáo dục thể chất đã biến thành trụ sở của Ban Tuyên Giáo trung ương, còn khu CSH đã được phá bỏ, rào kín. Từ những năm 60 thế kỷ trước khu CSH trở thành Câu lạc bộ thể thao Ba Đình dành cho các cán bộ trung cao cấp của Trung Ương và Hà Nội; bể bơi và các sân quần vợt đã được sửa sang lại, quý nhất là rặng cây cổ thụ quanh CLB có độ tuổi gần trăm năm vẫn xanh tươi tỏa bóng mát. Đến đầu thế kỷ XXI, phát hiện khu đất CLB vốn xưa thuộc Hoàng thành Thăng Long, dưới lòng đất chứa nhiều hiện vật khảo cổ quý, nên được tổ chức đào thám sát, rồi vây kín để bảo vệ. CLB Thể thao Ba Đình phải dời đi nơi khác, mấy năm đầu thuê địa điểm ở Nhà máy in Tiến Bộ, rồi từ năm 2009 chuyển về cơ sở mới ở đầu phố Quán Thánh. Bây giờ ngày ngày tôi phóng xe máy qua phố Hoàng Văn Thụ, phố Hùng Vương đến địa điểm mới của CLB chơi quần vợt mà lòng không khỏi bồi hồi. Cũng trên con đường này, hơn nửa thế kỷ trước, có một chàng thanh niên mới lớn, đầu óc còn nhiều mơ mộng, hàng ngày phóng chiếc xe đạp đua, hớn hờ đến trường, đôi lúc thích lỏng buông tay lái... Chiều về, đang phóng như bay, mắt nhìn ngang nhìn ngửa, thoáng thấy bóng hồng, là phanh xe chậm lại, sấn lại gần tìm cách làm quen, chỉ làm quen chơi chơi cho vui thể thôi, song cũng đôi khi lẳng nhặng đi theo đến tận nhà... để rồi trở về dẹt nên những vần thơ lãng đãng. Một chiều kia, chàng chợt thấy một nàng trẻ trung, xinh đẹp, đang vừa đạp xe vừa trò chuyện ríu rít với một cô bạn. Thế là chàng quanh xe, đạp theo đến tận nhà ở phố Huế, bắt chuyện, toàn chuyện trên trời dưới biển, chẳng đâu vào đâu mà lòng cứ rộn ràng...Đâu rồi thầy, đâu rồi bạn, đâu rồi những ngày tháng vô tư bên thầy, bên bạn, có chăng chỉ còn mấy dãy nhà cũ với màu vôi vàng xám đặc trưng, vẫn tro tro đứng đó, *bền gan cùng tuế nguyệt*, khác hẳn mấy căn nhà mới xây, xa lạ, quét vôi màu vàng nhạt.

Nhớ lại thầy và bạn, chỉ thấy toàn những kỷ niệm đẹp, những hình ảnh đẹp. Các thầy có lẽ đã qua đời hầu hết; bạn bè kẻ mất người còn, có còn thì cũng như mình xấp xỉ 80. May mà còn đủ mình mãi ghi lại được một số kỷ niệm như trên trao đổi cùng các bạn để có dịp cùng nhau nhớ lại những năm tháng vô tư, lãng mạn, say mê học tập, nhớ lại một thời trai trẻ vô cùng đẹp đẽ, có lẽ là duy nhất trong đời mỗi con người.

*Khởi thảo: 18 – 6 – 2007
Sửa chữa, bổ sung: 25 - 12 – 2011*